

Số: 09/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 36/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 350/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khuyến khích phát triển văn học;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 298/BC-BVHXH ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Giải thưởng).

Điều 2. Mục đích, đối tượng áp dụng

1. Mục đích của Giải thưởng

Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên là giải thưởng cao quý của tỉnh Hưng Yên để xét tặng, tôn vinh cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả của công

trình có kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình về văn học, nghệ thuật có giá trị xuất sắc, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tác giả, đồng tác giả là công dân Việt Nam của công trình có kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình về văn học, nghệ thuật được tặng Giải thưởng.

b) Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân thực hiện xét tặng Giải thưởng.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Cơ cấu, số lượng Giải thưởng

1. Giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Xét tặng cho tác giả, đồng tác giả có công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: số lượng Giải thưởng tối đa là 19 Giải thưởng.

2. Giải thưởng về văn học, nghệ thuật

Xét tặng cho tác giả, đồng tác giả có tác phẩm thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực sáng tác và nghiên cứu lý luận phê bình về văn học, nghệ thuật: số lượng Giải thưởng tối đa là 18 Giải thưởng.

Điều 4. Mức thưởng

Tác giả, đồng tác giả đạt Giải thưởng được tặng Bằng chứng nhận Giải thưởng, Biểu tượng Giải thưởng và tiền thưởng là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) cho mỗi giải thưởng.

Điều 5. Nội dung, mức chi cho các hoạt động có liên quan đến việc tổ chức xét tặng Giải thưởng

1. Nội dung, mức chi thù lao đối với Hội đồng xét tặng Giải thưởng:

a) Đối với Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành (Hội đồng chuyên ngành về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Hội đồng chuyên ngành về văn học, nghệ thuật)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (nghìn đồng)
1	Chi thù lao Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người	4.000
1.2	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	3.500

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (nghìn đồng)
1.3	Thành viên Hội đồng	Người	3.500
1.4	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
2	Chi nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng (bao gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng) cho mỗi công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mỗi tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình về văn học, nghệ thuật	Phiếu	500
3	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập	Người	3.500
4	Chi thù lao Tổ Thư ký		
4.1	Tổ trưởng	Người	1.000
4.2	Thành viên	Người	700

b) Đối với Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (nghìn đồng)
1	Chi thù lao Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người	5.000
1.2	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	4.000
1.3	Thành viên Hội đồng	Người	4.000
1.4	Đại biểu được mời tham dự	Người	300
2	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập	Người	4.000
3	Chi thù lao Tổ Thư ký		
3.1	Tổ trưởng	Người	1.500
3.2	Thành viên	Người	1.000

2. Nội dung, mức chi khác liên quan đến việc xét tặng và trao Giải thưởng, gồm: xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng; công tác

tuyên truyền về Giải thưởng, công bố thông tin về kết quả xét tặng Giải thưởng trên phương tiện thông tin đại chúng; họp công bố kết quả xét tặng Giải thưởng; tổ chức lễ trao Giải thưởng và các khoản chi hợp pháp khác (nếu có). Mức chi được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 6 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Thái Bình.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Công thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^K.Linh.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

